

Số: 4037/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 30 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS quận Hà Đông  
Năm học 2024-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước (có hiệu lực từ 01/5/2024);*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ công văn số 2541/UBND-KGVX ngày 11/8/2023 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 3123/HĐLS:GDĐT-TC ngày 25/8/2023 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính về hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 7339/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của quận Hà Đông;*

*Căn cứ quyết định số 4014/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND quận Hà Đông phê duyệt phương thức giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của quận Hà Đông năm học 2024-2025;*

*Căn cứ tờ trình của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục về phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của quận năm học 2024-2025;*

*Theo đề nghị của Liên ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 02/TTr-LN:GDĐT-TCKH ngày 30/8/2024 về việc đề nghị phê duyệt phương án đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS quận Hà Đông năm học 2024-2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS quận Hà Đông năm học 2024-2025 với các nội dung chính như sau:

1. Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng:

- Số lớp: 283

- Số học sinh: 11.749

*(Chi tiết theo biểu số 01-HD kèm theo)*

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công: Thực hiện giảng dạy đúng, đủ, đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành: Năm học 2024-2025 (Từ 01/9/2024 đến hết 31/8/2025).

4. Giá đặt hàng:

Thực hiện theo giá dịch vụ, giá đặt hàng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố.

(Chi tiết theo biểu số 02-HD kèm theo)

5. Dự toán kinh phí đặt hàng năm học 2024-2025:

- Tổng dự toán kinh phí đặt hàng năm học 2024-2025 (A): 113.356.275 nghìn đồng.

- Chi tiết theo các nguồn sau:

a) Nguồn thu học phí năm học 2024-2025 (bao gồm cả phần NSNN cấp bù thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ) (B)

- Số học sinh trẻ em mẫu giáo, nhà trẻ dưới 5 tuổi: 2.544 trẻ em

$2.544 \text{ hs} \times 9 \text{ tháng} \times 217 \text{ nghìn đồng} \times 60\% = 2.981.059 \text{ nghìn đồng}$

- Số học sinh Trung học cơ sở: 3.340 học sinh

$3.340 \text{ hs} \times 9 \text{ tháng} \times 155 \text{ nghìn đồng} \times 60\% = 2.795.580 \text{ nghìn đồng}$

Tổng cộng:  $B = 2.981.059 + 2.795.580 = 5.776.639 \text{ nghìn đồng}$

Chia ra:

- Năm 2024:  $B_1 = (2.544 \text{ hs} \times 4 \text{ tháng} \times 217 \text{ nghìn đồng} \times 60\%) + (3.340 \text{ hs} \times 4 \text{ tháng} \times 155 \text{ nghìn đồng} \times 60\%) = 2.567.395 \text{ nghìn đồng}$

- Năm 2025:  $B_2 = (2.544 \text{ hs} \times 5 \text{ tháng} \times 217 \text{ nghìn đồng} \times 60\%) + (3.340 \text{ hs} \times 5 \text{ tháng} \times 155 \text{ nghìn đồng} \times 60\%) = 3.209.244 \text{ nghìn đồng}$

b) Nguồn cải cách tiền lương còn dư tại đơn vị (C): 7.996.343 nghìn đồng.

- Nguồn 40% số thu học phí năm học 2024-2025: 3.851.093 nghìn đồng

- Nguồn CCTL còn dư đến 31/8/2024: 4.145.250 nghìn đồng

c) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (D):  $D = A - B - C$

$D = 113.356.275 - 5.776.639 - 7.996.343 = 99.583.293 \text{ nghìn đồng}$

Chia ra:

- Năm 2024:  $D_1 = 28.149.744 \text{ nghìn đồng}$

- Năm 2025:  $D_2 = D - D_1 = 99.583.293 - 28.149.744 = 71.433.549 \text{ nghìn đồng}$

(Chi tiết theo biểu số 02-HD kèm theo)

6. Phương thức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán:

6.1. Đợt 1:

Theo số học sinh thực tế bình quân 4 tháng cuối năm 2024 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành và các nội dung trong quyết định đặt hàng để tiến hành nghiệm thu, quyết toán).

## 6.2. Đợt 2:

Theo số học sinh thực tế bình quân 5 tháng đầu năm 2025 (theo số liệu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu ngành và các nội dung trong quyết định đặt hàng để tiến hành nghiệm thu, quyết toán).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.
- Thực hiện công tác nghiệm thu, quyết toán kinh phí đặt hàng theo đúng quy định tại hướng dẫn số 3123/HDLĐ: GDĐT-TC ngày 25/8/2023 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo - Tài chính.

### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:**

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.
- Tham mưu UBND Quận điều chỉnh phương án tự chủ của các trường thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định.
- Tham mưu UBND Quận về điều hòa, điều chỉnh dự toán kinh phí đặt hàng năm 2024 để các đơn vị triển khai thực hiện và triển khai xây dựng dự toán ngân sách năm 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.
- Tổng hợp dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí đặt hàng dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn có liên quan.

### **3. Kho bạc Nhà nước quận:**

Thực hiện kiểm soát chi và tạm ứng, thanh toán kinh phí đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Mức tạm ứng: 100% theo kinh phí đặt hàng theo từng năm ngân sách.

### **4. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục:**

- Tuyên truyền Nghị quyết 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố tới cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh,...trong quá trình triển khai thực hiện để toàn thể cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh nắm được chủ trương, chính sách của Nhà nước;
- Chịu trách nhiệm trước UBND quận Hà Đông về sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện; không được đặt hàng lại dịch vụ sự nghiệp công đã được các cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cho đơn vị khác thực hiện;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, phương án khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công.

- Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí đặt hàng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo đúng quy định hiện hành của pháp luật đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện các nội dung theo quyết định đặt hàng đảm bảo thời gian, chất lượng theo quy định; Thực hiện quản lý và sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đặt hàng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND quận, Trưởng các phòng: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính - Kế hoạch; Kho bạc nhà nước quận, Hiệu trưởng trường Mầm non, Tiểu học, THCS được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *vdh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cán Thị Việt Hà**

**SỐ LIỆU ĐẶT HÀNG NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 4037/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND quận Hà Đông)

Số TT	Cấp học/học sinh (trẻ em)	Mức thu học phí (nghìn đồng/học sinh/tháng)	Số lớp	Số học sinh (trẻ em)	Số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Hệ số điều chỉnh giá theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp	Giá dịch vụ đặt hàng (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Giá đặt hàng (nghìn đồng/năm học)	Dự toán kinh phí đặt hàng 4 tháng năm 2024 (nghìn đồng)				Dự toán kinh phí đặt hàng 8 tháng năm 2025 (nghìn đồng)				
											Tổng số	Chi ra			Tổng số	Chi ra			
												Nguồn thu học phí năm 2024 (không bao gồm số trích 40% dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định)	Nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí của đơn vị (40%)	Nguồn cải cách tiền lương dự đến 31/8/2024		Nguồn ngân sách nhà nước	Nguồn thu học phí năm 2024 (không bao gồm số trích 40% dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định)	Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị	Nguồn ngân sách nhà nước
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5*6*7	9=3*8	10=11+12+13	11=1*3*4 tháng * 60%	12.1	12.2	13	14=15+16+17	15=1*3*5 tháng * 60%	16	17=9-10-15-16
I	Trẻ em Mầm non		101	3.941						48.976.999	15.120.948	1.324.915	883.277	1.376.749	11.536.007	33.856.051	1.656.144	1.104.096	31.095.811
1	MN Ngô Thi Nhiễm	217	20	740	37	12.400	1,0	0,96	11.904	8.808.960	2.936.320	257.796	171.864	-	2.506.660	5.872.640	322.245	214.830	5.335.565
2	MN Hương Sen	217	11	450	41	12.400	1,1	0,95	12.958	5.831.100	1.943.700	130.200	86.800	-	1.726.700	3.887.400	162.750	108.500	3.616.150
3	MN Sen Hồng	217	18	720	40	12.400	1,0	0,95	11.780	8.481.600	2.827.200	263.525	175.683	-	2.387.992	5.654.400	329.406	219.604	5.105.390
4	MN Đồng Dương	217	12	396	33	12.400	1,1	0,98	13.367	5.293.411	1.375.372	143.741	95.827	170.836	964.968	3.918.039	179.676	119.784	3.618.579
5	MN Kiến Hưng	217	12	445	37	12.400	1,1	0,96	13.094	5.827.008	1.551.274	153.636	102.424	128.007	1.167.207	4.275.734	192.045	128.030	3.955.659
6	MN Hoa Sen	217	11	540	49	12.400	1,1	0,95	12.958	6.997.320	2.027.897	182.280	121.520	524.664	1.199.433	4.969.423	227.850	151.900	4.589.673
7	MN Hoa Mai	217	17	650	38	12.400	1,0	0,96	11.904	7.737.600	2.459.185	193.738	129.158	553.242	1.583.047	5.278.415	242.172	161.448	4.874.795
II	Học sinh Tiểu học		106	4.468						34.267.418	10.196.690	-	-	702.468	9.494.222	24.070.728	-	-	24.070.728
1	TH Phú Cường	0	35	1.652	47	7.500	1,00	0,94	7.050	11.646.600	3.882.200	-	-	-	3.882.200	7.764.400	-	-	7.764.400
2	TH Phú Lương I	0	20	845	42	7.500	1,00	0,97	7.275	6.147.375	2.049.125	-	-	-	2.049.125	4.098.250	-	-	4.098.250
3	TH Dương Nội A	0	17	549	32	7.500	1,15	1,14	9.833	5.398.043	1.304.473	-	-	249.278	1.055.195	4.093.570	-	-	4.093.570
4	TH Đồng Mai II	0	14	541	39	7.500	1,15	1,0	8.625	4.666.125	1.253.150	-	-	210.320	1.042.830	3.412.975	-	-	3.412.975
5	TH Dương Nội B	0	20	881	44	7.500	1,00	0,97	7.275	6.409.275	1.707.742	-	-	242.870	1.464.872	4.701.533	-	-	4.701.533
III	Học sinh THCS		76	3.340						30.111.858	11.256.348	1.242.480	828.320	2.066.032	7.119.516	18.855.511	1.553.100	1.035.400	16.267.011
1	THCS Văn Quán	155	38	1.725	45	9.450	1,0	0,95	8.978	15.486.188	5.162.063	641.700	427.800	-	4.092.563	10.324.125	802.125	534.750	8.987.250
2	THCS Biên Giang	155	17	672	40	9.450	1,0	0,97	9.167	6.159.888	2.630.477	249.984	166.656	915.766	1.298.071	3.529.411	312.480	208.320	3.008.611
3	THCS Phú Cường	155	21	943	45	9.450	1,0	0,95	8.978	8.465.783	3.463.808	350.796	233.864	1.150.266	1.728.882	5.001.975	438.495	292.330	4.271.150
	<b>Tổng cộng</b>		<b>283</b>	<b>11.749</b>						<b>113.356.275</b>	<b>36.573.986</b>	<b>2.567.395</b>	<b>1.711.596</b>	<b>4.145.250</b>	<b>28.149.744</b>	<b>76.782.289</b>	<b>3.209.244</b>	<b>2.139.496</b>	<b>71.433.549</b>

**Ghi chú:**

- Mức thu được giao theo Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố; Đối với phần chênh lệch mức thu so với Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố, trên cơ sở số liệu Bổ sung có mục tiêu cấp bù chênh lệch học phí quận sẽ thực hiện điều chỉnh nguồn NSNN cấp.

**SỐ LỚP, HỌC SINH ĐẦU NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 4037/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của UBND quận Hà Đông)

Số TT	Cấp học/lớp	Số lớp	Số học sinh	Số học sinh bình quân/lớp
<b>A</b>	<b>Khối Mầm non</b>	<b>101</b>	<b>3.941</b>	<b>39</b>
<b>I</b>	<b>Mầm non Ngô Thì Nhậm</b>	<b>20</b>	<b>740</b>	<b>37</b>
1	Nhà trẻ	3	90	30
2	Mẫu giáo bé	5	170	34
3	Mẫu giáo nhỡ	6	235	39
4	Mẫu giáo lớn	6	245	41
<b>II</b>	<b>Mầm non Sen Hồng</b>	<b>18</b>	<b>720</b>	<b>40</b>
1	Nhà trẻ	3	102	34
2	Mẫu giáo bé	5	195	39
3	Mẫu giáo nhỡ	5	209	42
4	Mẫu giáo lớn	5	214	43
<b>III</b>	<b>Mầm non Hương Sen</b>	<b>11</b>	<b>450</b>	<b>41</b>
1	Nhà trẻ	1	30	30
2	Mẫu giáo bé	3	100	33
3	Mẫu giáo nhỡ	3	120	40
4	Mẫu giáo lớn	4	200	50
<b>IV</b>	<b>MN Đồng Dương</b>	<b>12</b>	<b>396</b>	<b>33</b>
1	Nhà trẻ	2	60	30
2	Mẫu giáo bé	3	100	33
3	Mẫu giáo nhỡ	3	116	39
4	Mẫu giáo lớn	4	120	30
<b>V</b>	<b>Mầm non Kiến Hưng</b>	<b>12</b>	<b>445</b>	<b>37</b>
1	Nhà trẻ	2	65	33
2	Mẫu giáo bé	3	110	37

3	Mẫu giáo nhỡ	3	120	40
4	Mẫu giáo lớn	4	150	38
<b>VI</b>	<b>Mầm non Hoa Sen</b>	<b>11</b>	<b>540</b>	<b>49</b>
1	Nhà trẻ	1	37	37
2	Mẫu giáo bé	3	153	51
3	Mẫu giáo nhỡ	3	160	53
4	Mẫu giáo lớn	4	190	48
<b>VII</b>	<b>Mầm non Hoa Mai</b>	<b>17</b>	<b>650</b>	<b>38</b>
1	Nhà trẻ	1	35	35
2	Mẫu giáo bé	4	141	35
3	Mẫu giáo nhỡ	5	196	39
4	Mẫu giáo lớn	7	278	40
<b>B</b>	<b>Khối Tiểu học</b>	<b>106</b>	<b>4.468</b>	<b>42</b>
<b>I</b>	<b>Tiểu học Phú Cường</b>	<b>35</b>	<b>1.652</b>	<b>47</b>
1	Lớp 1	8	389	49
2	Lớp 2	8	373	47
3	Lớp 3	6	304	51
4	Lớp 4	7	315	45
5	Lớp 5	6	271	45
<b>II</b>	<b>Tiểu học Phú Lương I</b>	<b>20</b>	<b>845</b>	<b>42</b>
1	Lớp 1	4	185	46
2	Lớp 2	4	180	45
3	Lớp 3	3	131	44
4	Lớp 4	5	186	37
5	Lớp 5	4	163	41
<b>III</b>	<b>Tiểu học Dương Nội A</b>	<b>17</b>	<b>549</b>	<b>32</b>
1	Lớp 1	4	134	34
2	Lớp 2	4	116	29
3	Lớp 3	4	119	30